

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271 /2019/HNGĐ- ST

Ngày: 24- 04- 2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Lê H
2. Bà Phạm Thị N

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc N, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T không tham gia phiên tòa

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1186/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 19xx,

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T;

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng N, sinh năm 19xx,

Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai, biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc K trình bày:

Bà và ông N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 27 Quyển số 01/2008 ngày 24/01/2008 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 02/2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng luôn bất hòa cãi vã, không còn sự tôn trọng nhau. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi bên có cuộc sống riêng từ tháng 4/2017 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N.

Bị đơn Ông Trần Hoàng N trình bày:

Về quá trình chung sống, kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như lời bà K trình bày. Ông xác nhận từ khoảng tháng 4/2017 bà K có ý định đi xuất khẩu lao động nên ra sống riêng, vợ chồng sống ly thân đến nay, không còn quan tâm nhau. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông không đồng ý ly hôn vì theo phép đạo Thiên chúa vợ chồng không được bỏ nhau, mặc dù mâu thuẫn giữa hai bên không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Việc bà K cương quyết xin ly hôn tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Về con chung:* Bà K và ông N cùng xác nhận có 01 trẻ tên Trần Hoàng Tâm Đ, sinh ngày 09/01/2012. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông N không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung:* Hai bên xác nhận không có.

Bà K và ông N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2018, Bà Nguyễn Thị Ngọc K yêu cầu ly hôn Ông Trần Hoàng N, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn Ông Trần Hoàng N có nơi cư trú tại quận T nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

Bà Nguyễn Thị Ngọc K và Ông Trần Hoàng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đối với bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 27 Quyển số 01/2008 ngày 24/01/2008 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Ngọc K và Trần Hoàng Nam là hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Ngọc K và Ông Trần Hoàng N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng do bất đồng quan điểm. Vợ chồng thường xuyên gây gỗ, không tôn trọng nhau, không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc khiến cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt. Hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Ông N không đồng ý ly hôn vì ông theo đạo Thiên chúa dù vợ chồng có mâu thuẫn cũng không được bỏ nhau. Việc bà K ly hôn thì tùy Tòa quyết định.

Qua lời trình bày của đôi bên, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của bà K và ông N mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì hai bên không còn tình cảm vợ chồng. Việc ông N không đồng ý ly hôn không xuất phát từ việc níu kéo tình cảm vợ, mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, mà do theo phép đạo. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...”. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Ngọc K là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 46/2012 ngày 18/01/2012 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H, tên trẻ Trần Hoàng Tâm Đ, sinh ngày XX/XX/XX thể hiện tên cha là Trần Hoàng N, tên mẹ là Nguyễn Thị Ngọc K thì có đủ cơ sở xác định trẻ Trần Hoàng Tâm Đ là con chung của bà K và ông N.

Ông Trần Hoàng N và Bà Nguyễn Thị Ngọc K thỏa thuận sau khi ly hôn ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà K do ông N không yêu cầu. Xét thấy việc hai bên thỏa thuận việc nuôi con, hoãn việc cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về tài sản chung*: Không xem xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự*: Không có.

- *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc K phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 ; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc K:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc K được ly hôn với Ông Trần Hoàng N. Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 Quyển số 01/2008 ngày 24/01/2008 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Trần Hoàng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hoàng Tâm Đ, sinh ngày 09/01/2012. Hoàn việc cấp dưỡng nuôi con đối với Bà Nguyễn Thị Ngọc K do Ông Trần Hoàng N không yêu cầu.

Trong trường hợp ông N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. ông N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bà K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự: Không có.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc K phải nộp, nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012203 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà Nguyễn Thị Ngọc K đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND phường T; quận T, thành phố H;
- Các đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

